

chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 tại thôn T, xã V huyện B, tỉnh H. Việc anh chị chung sống với nhau được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã Vô Điểm nơi anh chị cư trú, mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2015 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống nên giữa anh chị thường xảy ra xô sát, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm, không quan tâm đến nhau. Quá trình chung sống, anh chị có một con chung là cháu Ma Bình T, sinh ngày 17/4/2010. Khi ly hôn, chị La Thị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị La Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ma Văn N không gửi bản tự khai, không cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án. Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Ma Văn N nhiều lần để lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Ma Văn N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các biên bản xác minh ngày 30/11/2022 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với trưởng thôn Thia và cán bộ tư pháp xã Vô Điểm, nơi anh Ma Văn N và chị La Thị T sinh sống, phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau: Nguyên đơn chị La Thị T, sinh năm 1989 và bị đơn là anh Ma Văn N, sinh năm 1987 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V huyện B, tỉnh H và từ trước đến nay vẫn sinh sống tại Xóm A, thôn, xã V, huyện B, tỉnh H. Chị La Thị T và anh Ma Văn N tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 tại thôn T, xã V huyện B, tỉnh H. Việc anh chị chung sống với nhau được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã Vô Điểm nơi anh chị cư trú, mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2015 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống nên giữa anh chị thường xảy ra xô sát, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn: Chị La Thị T và anh Ma Văn N bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 tại thôn T, xã V, huyện B đến nay nhưng anh chị vẫn không đăng ký kết hôn tại UBND xã nơi anh chị cư trú thực hiện mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"

Như vậy, việc anh chị chung sống với nhau như vợ chồng được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến nay nguyên đơn là chị La Thị T có yêu cầu xin ly hôn anh Ma Văn N, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị cần được xử bằng một bản án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị là có cơ sở.

[2.2] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình chung sống, anh chị có một con chung là cháu Ma Bình T, sinh ngày 17/4/2010. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị T xuất phát từ tình cảm, vì lợi ích của con, trong thời gian anh chị sống ly thân chị T là người nuôi dưỡng cháu T, bên cạnh đó cháu T có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu được sống cùng mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Ma Bình T cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lam Nguyễn Hồng Diệm

Đinh Thị Hồng